HOÀN THIỆN CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH LÃI SUẤT NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM

ThS. Lê Phan Thanh Hòa
Công ty Tài chính Dầu khí
ThS. Lê Phan Thanh Hiệp
Agribank Trường Sơn

Bài viết mô tả cơ chế điều hành lãi suất, diễn biến lãi suất điều hành và lãi suất thị trường, phân tích và đánh giá thực trạng cơ chế điều hành lãi suất của NHNN Việt Nam trong giai đoạn từ tháng 4/2010 đến nay, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cơ chế điều hành lãi suất.

Trong thời gian qua, lãi suất trở thành vấn đề thời sự được đề cập trên rất nhiều diễn đàn và thực sự thu hút sự quan tâm lớn của đông đảo dư luận, đặc biệt là sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu, nhà quản trị điều hành ngân hàng và các doanh nghiệp... vì một trong những trọng tâm của sự quan tâm đó là cơ chế điều hành lãi suất làm sao để lãi suất vừa đóng vai trò quan trọng trong kiềm chế lạm phát, vừa đảm bảo quyền lợi người gửi tiền và thu hút được tiền gửi; vừa không gây khó khăn cho các doanh nghiệp và người vay vốn nói chung, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các ngân hàng thương mại (NHTM) với quy mô và loại hình khác nhau. Có thể nói, giải quyết hài hòa các lợi ích, các mục tiêu đó trong bối cảnh diễn biến vĩ mô hiện nay của Việt Nam là bài toán khó.

Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 07/9/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đang thể hiện quyết tâm thực hiện có hiệu quả trần lãi suất tiền gửi VND và USD và tiến tới giảm lãi suất cho vay về mức 17-19% thông qua sự đồng thuận của 12 ngân hàng trong cuộc họp ngày 26/8/2011 (Song Linh, 2011). Việc triển khai Chỉ thị đó đang được cuộc sống chấp nhận, tuy nhiên còn rất nhiều việc phải làm xoay quanh "câu chuyện lãi suất" như doanh nghiệp vẫn rất khó chấp nhận lãi suất cho vay hiện thời, những bất lợi đối với các NHTM quy mô nhỏ, lãi suất thực dương... Bài viết tập trung phân tích và đánh giá thực trạng cơ chế điều hành lãi suất của NHNN Việt Nam từ tháng 4/2010 đến nay, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cơ chế điều hành lãi suất.

Diễn biến lãi suất từ 4/2010 đến 6/2011

Về cơ chế lãi suất

Từ tháng 6/2002 đến tháng 5/2008, cơ chế lãi suất thỏa thuận được áp dụng cho hoạt động tín dụng VND theo Quyết định số 546/2002/QĐ-NHNN. Tuy nhiên, từ ngày 19/5/2008 đến tháng 2/2010, để kiềm chế lạm phát, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN ngày 16/5/2008 về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản bằng VND, các tổ chức tín dụng (TCTD) ấn định lãi suất kinh doanh (lãi suất huy động vốn, lãi suất cho vay) bằng VND đối với khách hàng theo nguyên tắc lãi suất kinh doanh không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do NHNN công bố áp dụng trong từng thời kỳ. Định kỳ hàng tháng, NHNN công bố lãi suất cơ bản. Trong trường hợp cần thiết,

NHNN công bố điều chỉnh kịp thời lãi suất cơ bản.

Trong giai đoạn từ cuối năm 2007 và năm 2008, diễn biến lạm phát, diễn biến thị trường tiền tệ (TTTT) và điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, cơ chế điều hành lãi suất cơ bản và cơ chế lãi suất thỏa thuận nói trên trở nên bất cập với thực tiễn, đặc biệt là với những vướng mắc trong một số quy định pháp luật khác về việc không được cho vay vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản. Trước thực tế đó, sau khi được phép của các cơ quan có thẩm quyền, NHNN ban hành Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 cho phép các TCTD cho vay bằng VND đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Về lãi suất điều hành

NHNN tiếp tục điều hành linh hoạt các mức lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu và lãi suất nghiệp vụ thị trường mở để điều tiết lãi suất TTTT. Trong thời gian qua, NHNN đã điều hành công cụ lãi suất này rất linh hoạt theo từng thời kỳ. Cụ thể: (i) Bước sang năm 2010, nhằm kiểm soát các chỉ tiêu tiền tệ gia tăng ở mức hợp lý để kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đảm bảo khả năng thanh khoản của các TCTD, tạo điều kiện cho các TCTD giảm lãi suất huy động và cho vay đồng thời hỗ trợ vốn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. NHNN điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành nhằm kiểm soát lạm phát: cụ thể lãi suất cơ bản tăng từ mức 8% lên 9%/năm, lãi suất tái cấp vốn tăng từ 8-9-11-12-13-14%/năm, lãi suất tái chiết khấu tăng từ 7-12-13%/năm (Bảng 1); (ii) Từ năm 2010-2011 lãi suất cho vay qua đêm được điều chỉnh tăng từ 8% lên 9%/năm, rồi 11-12-13-14%/năm nhằm kiểm soát chặt chẽ tiền tệ.

Bảng 1: Diễn biến các mức lãi suất điều hành của NHNN (2010-2011)

Đơn vị: %/năm

Thời điểm áp dụng	Lãi suất cơ bản	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu
01/02/2010	8,00	8,00	6,00
05/11/2010	9,00	9,00	7,00
17/2/2011	9,00	11,00	7,00
8/3/2011	9,00	12,00	12,00
1/4/2011	9,00	13,00	12,00
1/5/2011	9,00	14,00	13,00

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đồ thị 1: Diễn biến lãi suất huy động và cho vay bằng VND từ tháng 4/2010 đến nay

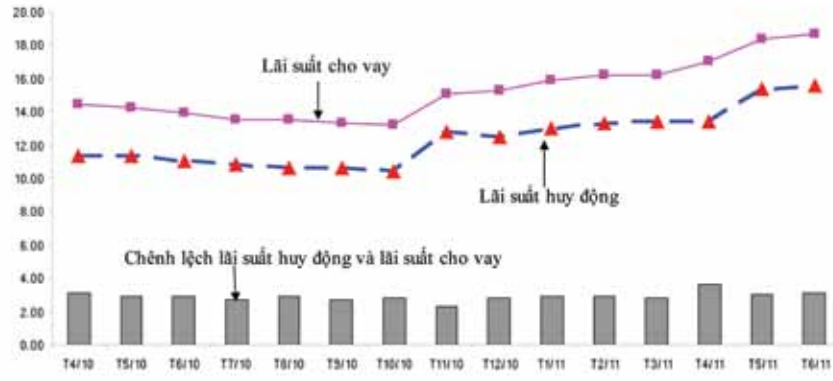

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Về quy định khống chế trần lãi suất huy động bằng VND và USD

Nhằm ổn định TTTT, kiềm chế lạm phát, hạn chế các NHTM tăng lãi suất huy động để cạnh tranh thu hút vốn, NHNN ấn định lãi suất huy động bằng VND của các tổ chức và cá nhân bao gồm cả khoản chi khuyến mãi dưới mọi hình thức không vượt quá 14%/năm (Thông tư số 02/2011/TT-NHNN ngày 3/3/2011). Lãi suất huy động vốn tối đa bằng USD áp dụng đối với cá nhân là người cư trú, cá nhân là người không cư trú không vượt quá 2,0%/năm (Thông tư số 14/2011/TT-NHNN, ngày 02/6/2011).

Về lãi suất thực tế trên thị trường

Theo số liệu thống kê, lãi suất huy động vẫn trong mức trần quy định, lãi suất cho vay chênh lệch với lãi suất huy động ở mức chấp nhận được. Tuy nhiên, trên thực tế lãi

suất huy động thường xuyên vượt trần, lãi suất cho vay ở mức cao (Hộp 1), NHNN đã chấn chỉnh bằng Công văn số 4605/NHNN ngày 16/6/2011 và yêu cầu các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo lãi suất huy động và vay số 5232/NHNN-CSTT ngày 07/7/2011.

Hộp 1: Lãi suất huy động và cho vay trên thị trường

Trong cuộc họp "Điều hành chính sách tiền tệ của NHNN 6 tháng đầu năm 2011 và định hướng trong thời gian tới", Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Văn Bình cho biết, hiện tại lãi suất huy động VND bình quân 15,15% một năm, tăng 3% so với cuối năm 2010.

Về lãi suất cho vay VND thực tế, báo cáo của Chính phủ đã đưa ra con số khoảng 18,7% mỗi năm, tăng 3,4% so với cuối năm 2010. Trong đó, lãi suất cho vay đối với lĩnh vực phi sản xuất khoảng 22-25% một năm. Lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác khoảng 19,2% mỗi năm.

Nguồn: Lệ Chi (2011)

Nhìn tổng quan lại cơ chế điều hành lãi suất hiện nay đã đạt được một số kết quả đáng chú ý sau đây: (i) Ngăn chặn được tình trạng xáo trộn TTTT và nguy cơ mất khả năng thanh toán của các NHTM, nhất là các NHTM cổ phần quy mô nhỏ chuyển đổi từ nông thôn lên, an toàn hệ thống được đảm bảo, củng cố lòng tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân đối với hệ thống ngân hàng. TTTT dần đi vào ổn định, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay ở mức hợp lý, phù hợp với cung-cầu vốn thị trường và các yếu tố kinh tế vĩ mô, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất tiếp cận vốn vay ngân hàng một cách tự chủ, góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế do tác động của khủng hoảng tài chính thế giới; (ii) Lãi suất ngoại tệ về cơ bản đã được tự do hóa. Cơ chế điều hành lãi suất nội tệ cũng tăng theo xu hướng tiến dần theo hướng đó; (iii) Tạo quyền tự chủ, năng động và linh hoạt hơn cho các TCTD trong việc quyết định các mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay của mình với khách hàng trên cơ sở diễn biến thị trường và các công cụ, nghiệp vụ tác động của NHNN; (iv) Thúc đẩy chu chuyển vốn trong nền kinh tế và luân chuyển vốn giữa các vùng, các lĩnh vực khác nhau, khuyến khích thu hút vốn vào hệ thống ngân hàng để đầu tư có hiệu quả hơn cho các nhu cầu khách hàng.

Bên cạnh những ưu điểm thì còn có một số hạn chế trong cơ chế điều hành lãi suất hiện nay

Thứ nhất, NHNN công bố nhiều loại lãi suất chính thức để phát tín hiệu và kiểm soát lãi suất TTTT như lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm, lãi suất tiền gửi của các TCTD tại NHNN; chức năng của các loại lãi suất này tuy khác nhau nhưng còn chồng chéo, phức tạp, không đủ sức điều tiết và hướng dẫn lãi suất thị trường. Diễn biến thị trường như mô tả ở trên cho thấy đôi khi biến động lãi suất thị trường không đi theo biến động của lãi suất điều hành.

Thứ hai, việc điều hành và kiểm soát lãi suất thị trường của NHNN gặp khó khăn do lãi suất thị trường chịu tác động bởi nhiều nhân tố nằm ngoài khả năng khắc phục và điều tiết của NHNN như cung - cầu vốn đầu tư phát triển, năng lực tài chính yếu kém của các TCTD, biến động lãi suất thị trường quốc tế....

Thứ ba, lãi suất thị trường liên ngân hàng chưa phản ánh đúng quan hệ cung – cầu vốn do quan hệ vay mượn trên thị trường diễn ra một chiều giữa một số NHTM nhà nước có cổ phần chi phối có chiến lược đầu tư vào giấy tờ có giá để tiếp cận nghiệp vụ thị trường mở của NHNN, có điều kiện về nguồn vốn thường là người cho vay và bên đi vay thường là các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, NHTM cổ phần quy mô nhỏ và trung bình.

Thứ tư, cơ chế truyền dẫn tác động của lãi suất chính thức do NHNN công bố còn yếu về cường độ và độ trễ về thời gian lớn, hạn hẹp về

không gian truyền dẫn nên tác động hạn chế đến tiết kiệm, tiêu dùng, đầu tư rồi đến tổng cầu và mục tiêu cuối cùng là lạm phát và tăng trưởng kinh tế.

Những bất cập nói trên xuất phát từ một số nguyên nhân

Về khách quan

Nền kinh tế Việt Nam quy mô nhỏ, mới mở cửa, năng lực cạnh tranh yếu, thị trường tài chính – tiền tệ rất dễ bị tổn thương và biến động mạnh do biến động trên thị trường tài chính – tiền tệ quốc tế, chẳng hạn như khủng hoảng tài chính toàn cầu, biến động lãi suất trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, theo quy định của Luật NHNN, chính sách tiền tệ và chính sách lãi suất theo đuổi nhiều mục tiêu mà các mục tiêu đó không hoàn toàn thống nhất với nhau, chẳng hạn để kiềm chế lạm phát thì cần phải tăng lãi suất, hạn chế cung ứng tiền nhưng lại không phù hợp với việc tiếp tục mở rộng tín dụng phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Như thế, việc lựa chọn cơ chế điều hành và kiểm soát lãi suất trở nên khó khăn, phức tạp và kém linh hoạt.

Một nguyên nhân khách quan khác không thể không tính đến đó là sự hiểu biết của người dân và tổ chức kinh tế về chính sách tiền tệ, chính sách lãi suất còn hạn chế cộng với cơ chế điều hành và kiểm soát lãi suất phức tạp, cho nên chưa tạo ra hiệu ứng đồng thuận của người dân, tổ chức kinh tế về hành vi đầu tư, tiết kiệm, tiêu dùng phù hợp với mục tiêu chính sách lãi suất, nhiều khi có tác dụng ngược lại. Đặc biệt là, tình trạng đô la hóa ở mức khoảng 20% (Nguyễn Thị Hồng, 2011) làm cho lãi suất thị trường không đơn thuần chịu tác động của nhân tố cung – cầu mà còn bởi nhân tố tỷ giá hối đoái, lãi suất thị trường quốc tế và biến động trên thị trường ngoại hối cũng tác động khá mạnh đối với lãi suất TTTT.

TTTT quốc tế diễn biến phức tạp, nhiều rủi ro, lãi suất biến động với biên độ lớn tác động trực tiếp đến lãi suất TTTT trong nước. Thêm vào đó, các giao dịch về vốn đang dần được tự do hóa khó có thể kiểm soát được một cách chặt chẽ luồng vốn ra – vào, làm giảm hiệu quả điều tiết lãi suất thị trường.

Về chủ quan

NHNN chưa thực sự chủ động và độc lập trong điều hành chính sách tiền tệ. Với cơ cấu tổ chức hiện tại NHNN là cơ quan của Chính phủ, chịu sự quản lý trực tiếp của Chính phủ. Sự chi phối quá sâu của Chính phủ vào lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng làm giảm tính độc lập và chủ động trong điều hành của NHNN. Do vậy, việc ra quyết định quản lý của NHNN thường không kịp thời, làm giảm hiệu quả sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ.

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa NHNN và Bộ Tài chính trong việc thực hiện chính sách lãi suất nhằm ổn định lãi suất thị trường và phục vụ cho điều hành CSTT, biểu hiện là việc ấn định lãi suất tín phiếu, trái phiếu kho bạc nhà nước cạnh tranh cao với lãi suất trái phiếu của NHTM, nên lãi suất chưa phản ánh đúng quan hệ cung – cầu vốn.

Sự phối hợp giữa các chính sách tỷ giá – quản lý ngoại hối với chính sách lãi suất còn ở mức độ, chưa tạo ra được sự tác động tương hỗ, thuận chiều. Mục tiêu điều hành của chính sách này nhiều khi còn xa nhau thậm chí trái ngược nhau một số trường hợp.

Giải pháp hoàn thiện cơ chế điều hành lãi suất của NHNN

Một là, hình thành cơ chế kiểm soát lãi suất thị trường bằng các loại lãi suất của NHNN để lãi suất được hình thành hoàn toàn dựa trên quan hệ cung – cầu về vốn tín dụng trên thị trường. Khi đó TTTT hoạt động thường xuyên hơn và thông suốt hơn.

Hai là, NHNN cần thực hiện các giải pháp hoàn

thiện cơ chế điều hành lãi suất thỏa thuận, gắn liền với nó là phát triển thị trường liên ngân hàng trong đó NHNN phải làm tốt vai trò là người cho vay cuối cùng. NHNN cũng cần có biện pháp cụ thể phát triển thị trường ngoại hối, chuyển từ cho vay ngoại tệ sang cơ chế mua bán ngoại tệ. Tăng cường quỹ dự trữ ngoại hối của NHNN.

Ba là, NHNN cần khẩn trương hoàn thiện các công cụ điều hành chính sách tiền tệ tác động trực tiếp đến lãi suất như nghiệp vụ thị trường mở, cho vay tái cấp vốn và tái chiết khấu, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ Swap... NHNN cần triển khai sớm cơ chế tiền gửi qua đêm của TCTD tại NHNN. Chủ động và linh hoạt can thiệp trên thị trường liên ngân hàng để cơ chế điều hành lãi suất của NHNN Việt Nam phát huy hiệu quả hay nói cách khác là nâng cao khả năng truyền dẫn chính sách tiền tệ của NHNN.

Bốn là, NHNN cần nâng cao công tác dự báo kinh tế vĩ mô nói chung, diễn biến TTTT và vốn khả dụng của các TCTD nói riêng. Đây là việc làm quan trọng hàng đầu để hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ ngắn hạn, dài hạn có hiệu quả; áp dụng các mô hình kinh tế lượng vào phân tích, dự báo, xây dựng chương trình tiền tệ.

Năm là, về phía các TCTD cần kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, tiết giảm tối đa một số loại chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp... trên cơ sở đó có điều kiện giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng.

Sáu là, về phía NHNN, cần xem xét các yếu tố cấu thành nên chi phí đầu vào như tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ vốn từ huy động tiền gửi của một số tổ chức được phép cho vay, sử dụng vốn vay trên thị trường II... trên cơ sở đó có sự điều chỉnh phù hợp, góp phần quan trọng vào giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng trong nền kinh tế.

Bảy là, cần sớm cơ cấu lại các NHTM, có cơ chế thúc đẩy việc sáp nhập tự nguyện các NHTM với nhau, đặc biệt là không nên để tồn tại quá lâu nhiều NHTM cổ phần quy mô nhỏ. Bởi vì chính các NHTM cổ phần quy mô nhỏ là nhân tố cạnh tranh huy động vốn với lãi suất cao, đẩy lãi suất thị trường tăng lên.

Tám là, cơ cấu lại NHNN theo hướng tránh sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ các vụ cục trong tham mưu điều hành lãi suất, điều hành các công cụ của chính sách tiền tệ, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ NHNN và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng trong hệ thống NHNN. Cần đảm bảo tính độc lập của NHNN trong điều hành chính sách tiền tệ, xây dựng NHNN thành Ngân hàng Trung ương hiện đại. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa NHNN và Bộ Tài chính trong một số vấn đề có liên quan đến lãi suất và điều hành chính sách tiền tệ nói chung.

Điều hành lãi suất trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi và đang hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới ở nước ta hiện nay để đạt được mục tiêu kinh tế vĩ mô như đã định là bài toán khó và hết sức phức tạp, đòi hỏi một nghệ thuật linh hoạt và phối hợp đồng bộ, hiệu quả với các công cụ khác của chính sách tiền tệ■

Tài liệu tham khảo

1. Ngân hàng Nhà nước (2011), Báo cáo thường niên năm 2010.

2. Nguyễn Thị Hồng (2011), Đô la hóa và điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam, Tạp chí Ngân hàng số 05/2011

3. Lệ Chi (2011), Ngân hàng phải báo cáo lãi suất huy động và cho vay, http://ebank.vnexpress.net/gl/ebank/thi-truong/2011/07/ngan-hang-phai-bao-cao-lai-suat-huy-dong-va-cho-vay

4. Song Linh (2011), Quyết giảm lãi suất cho vay về 17-19%, http://kinhtevadubao.vn/p0c283s310n9738/quyet-giam-lai-suat-cho-vay-ve-1719.htm.